

Đông Hải, ngày 08 tháng 9 năm 2025

CÔNG KHAI
THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC, CHỈ TIÊU CHẤT LƯỢNG
GIÁO DỤC, CƠ SỞ VẬT CHẤT, ĐỘI NGŨ NĂM HỌC 2025-2026
(Theo Điều 4, Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT)

1. Tên cơ sở giáo dục: TRƯỜNG TIỂU HỌC ĐÔNG HẢI 1.

2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử).

Địa chỉ : Số 301 Bùi Thị Từ Nhiên, Đông Hải, Hải Phòng

Điện thoại : 02253.376.6531

Địa chỉ mail : th-donghai1ha@haian.edu.vn

Website : <https://thdonghai1.haiphong.edu.vn>

3. Loại hình của cơ sở giáo dục: Công lập

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.

* Sứ mạng:

Tạo dựng môi trường học tập nề nếp, kỷ cương, có chất lượng để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển năng lực bản thân, tư duy sáng tạo, có khả năng thích ứng mạnh mẽ và trở thành công dân tốt.

* Tầm nhìn

Trường Tiểu học Đông Hải 1 hướng đến mục tiêu xây dựng trường học thân thiện với chất lượng giáo dục là ưu tiên hàng đầu; là nơi đào tạo học sinh thành những con người năng nổ, sáng tạo, nhiệt tình trong công việc; có các kỹ năng sống phù hợp với lứa tuổi; sống có trách nhiệm, hoà nhập tốt với cộng đồng và luôn có khát vọng vươn lên.

* Mục tiêu:

- Xây dựng nhà trường xanh, sạch, đẹp, an toàn, thân thiện; có uy tín về chất lượng giáo dục; có đủ các điều kiện tốt nhất cho việc triển khai chương trình Giáo dục phổ thông 2018; là mô hình giáo dục theo hướng hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của địa phương, đất nước và thời đại.

- Là trường có chất lượng giáo dục đứng trong top đầu của Quận Ngô Quyền. Luôn duy trì trường chuẩn Quốc gia.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

Ngày mới thành lập, trường mang tên Trường PTCS Đông Hải. Ngày 01/8/1993, năm 1990 trường tách khỏi trường PTCS với tên gọi trường Tiểu học Đông Hải. Năm 1993 trường Tiểu học Đông Hải chuyển về địa điểm Phú Xá với dãy nhà 2 tầng gồm 16 phòng học và 3 phòng làm việc. Năm 1995 trường Tiểu học Đông Hải có 2 khu là Hạ Đoạn và Phương Lưu 1.

Trường Tiểu học Đông Hải 1, phường Đông Hải - Thành phố Hải Phòng được thành lập năm 2007 trên cơ sở tách trường Tiểu học Đông Hải theo Quyết định số 832/QĐ/UB ngày 17/8/2007 của UBND quận Hải An, ngày 30/8/2007 trường Tiểu học Đông Hải 1 tiếp nhận cơ sở vật chất khu Phương Lưu 1 thuộc phường Đông Hải 1 gồm 14 phòng học (trong đó có 7 phòng cấp 4), 04 phòng chức năng và 01 phòng bộ môn (phòng tin) không đủ diện tích, không có hành lang, không có sân chơi cho học sinh. Được sự quan tâm của lãnh đạo Thành phố, sự chỉ đạo sát sao và tạo mọi điều kiện thuận lợi (đầu tư cơ sở vật chất) của các cấp lãnh đạo Đảng, chính quyền, ngành giáo dục và đào tạo địa phương, trường được xây mới thêm 3 dãy phòng học, gồm 4 khu phòng học có 38 phòng học, 2 phòng chức năng, 1 bếp ăn bán trú, 1 nhà ăn, 02 khu vệ sinh 3 tầng, Khu hiệu bộ với 05 phòng làm việc và 01 phòng hội trường phục vụ cho công tác giảng dạy, học tập của giáo viên và học sinh. Đến nay, trường khang trang, sạch đẹp, thoáng mát, cơ bản đảm bảo đủ cơ sở vật chất cho công tác giảng dạy, học tập và sinh hoạt bán trú cho trên gần hai nghìn học sinh. Nhà trường đã xây dựng được môi trường giáo dục thân thiện, an toàn, trong sạch, lành mạnh để thực sự "*Mỗi ngày đến trường là một ngày vui*" đối với các em học sinh.

Chất lượng giáo dục ngày càng được khẳng định: Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên hiện nay hơn 60 người, trình độ 97,2% đạt chuẩn theo Luật Giáo dục năm 2019, trong đó có 11,2% Cán bộ, giáo viên có trình độ thạc sĩ; nhiều nhà giáo có thành tích cao trong các cuộc thi GVDG, CVD cấp Quận, thành phố. Cụ thể xét đến năm 2025, nhà trường có 01 cá nhân nhận Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, 04 cá nhân được nhận bằng khen của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Trung ương đoàn thanh niên cộng sản HCM; 05 cá nhân nhận Bằng khen của thành phố. Hơn 60% nhà giáo đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, cấp thành phố và nhiều giáo viên dạy giỏi cấp Quận, Thành phố. 06 Giáo viên được nhận giấy khen của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo. 05 nhà giáo có sáng kiến được sở khoa học công nghệ công nhận có phạm vi ảnh hưởng cấp thành phố về lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo.

- Không chỉ về chất lượng dạy, học, nhiều năm qua, nhà trường đã không ngừng nỗ lực, cố gắng, xây dựng và hoàn thiện cơ sở vật chất ngày một khang trang, hiện đại, đảm bảo trường đạt: xanh, sạch, đẹp, an toàn. Quy mô trường đang được mở rộng với Diện tích khuôn viên 3513 m², hoàn thiện xây dựng 03

dãy nhà 3 tầng gồm 36 phòng học kiên cố và 8 phòng chức năng đủ điều kiện để 79,0% các lớp được học 2 buổi/ngày và 100% các lớp thực hiện theo chương trình GDPT2018.

6. Thông tin người đại diện.

Họ và tên: Phạm Thị Lý

Chức vụ: Bí thư Chi bộ - Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Số 301 Bùi Thị Từ Nhiên, Đông Hải, Hải Phòng

Điện thoại: 076 2326 068

Địa chỉ Email: phamthily169@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy:

a) Quyết định thành lập trường

- Quyết định số 01/QĐ/UB ngày 01/07/2025 của UBND phường Đông Hải, về việc tiếp nhận đơn vị sự nghiệp giáo dục.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Số 076503 ngày 19/12/2003.

I. THÔNG TIN VỀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC CỦA NĂM HỌC

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp				
		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
		Tổng số học sinh : 418 HS (9 lớp)	Tổng số học sinh : 377 HS (9 lớp)	Tổng số học sinh : 347 HS (9 lớp)	Tổng số học sinh : 340 HS (8 lớp)	Tổng số học sinh : 393 HS (8 lớp)
1	Điều kiện tuyển sinh	- Đối với lớp 1: Tuyển hết trẻ trong độ tuổi (6 tuổi) có hộ khẩu thường trú thuộc địa bàn phường Đông Hải 1. - Các lớp khác: Đảm bảo các điều kiện lên lớp theo Thông tư 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22/9/2016 của Bộ GD&ĐT. Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GD&ĐT. - Tiếp nhận trẻ trong độ tuổi đang sinh sống trên địa bàn phường Vạn Mỹ. Học sinh chuyển trường đến có đủ hồ sơ hợp lệ.				
2	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	- Thực hiện TT32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng BGD&ĐT về việc ban hành Chương trình GDPT 2018 từ lớp 1 đến lớp 5. Thực hiện 35 tuần/năm học: 1. Ngày tựu trường: 28/8/2024 2. Ngày khai giảng: 5/9/2024 3. Ngày kết thúc năm học 31/5/2025				

	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình.	1. Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình -Thực hiện theo Thông tư 55/ 2011/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 22/11/2011 ban hành Điều lệ Ban Đại diện Cha mẹ học sinh. - Nhà trường thường xuyên thông tin các hoạt động của trường, của ngành thông qua hệ thống bảng tin, trang web,
3	Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	số liên lạc, Zalo nhóm lớp, facebook của nhà trường. - Tổ chức Hội nghị Cha mẹ học sinh 03 lần/năm. - Thông tin về Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT của Bộ giáo dục đào tạo Ban hành Quy định về đánh giá học sinh tiểu học 04/9/2020. - Gia đình thường xuyên trao đổi với giáo viên chủ nhiệm hoặc qua sổ liên lạc, điện thoại, Zalo, email... 2. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh: - Chấp hành tốt các nội quy học sinh. - Thái độ học tập tích cực, chủ động. - Thực hiện tốt theo 5 điều Bác Hồ dạy. - Biết cách tự học; tự giác và có kỷ luật. - Năng động, sáng tạo; biết hợp tác và chia sẻ.
4	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	- Sinh hoạt tập thể, sinh hoạt dưới cờ theo từng chủ điểm, hoạt động ngoại khoá theo yêu cầu thực tế, phù hợp cho từng lứa tuổi học sinh. - Sinh hoạt Đội, Sao Nhi đồng. - Tổ chức các Lễ phát động: tháng an toàn giao thông, theo chủ đề năm học... - Tổ chức hội giao lưu: Phòng chống tai nạn thương tích; Tổ chức các hoạt động rèn kĩ năng sống như: Phòng tránh tai nạn thương tích, phòng tránh xâm hại, phòng tránh đuối nước, các sân chơi trí tuệ... - Tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo như: Em yêu biển đảo quê hương, Vui hội trăng rằm...
5	Thực đơn hàng ngày của học sinh	

II. THÔNG TIN VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT

Phòng học	Đơn vị tính	Tổng số			Công lập		
		Tổng số	Kiên cố	Bán kiên cố	Tổng số	Kiên cố	Bán kiên cố
A	B	1	2	3	4	5	6
Phòng học	phòng	38	35	3	38	35	3
Phòng học nhờ, mượn	phòng						
Phòng phục vụ học tập	phòng	1	1		1	1	
Trong đó:							
- Thư viện	phòng						
- Phòng thiết bị giáo dục	phòng	1	1		1	1	
- Phòng tin học	phòng						
- Phòng ngoại ngữ	phòng						
- Phòng giáo dục nghệ thuật	phòng						
- Phòng âm nhạc	phòng						
- Phòng GD rèn luyện thể chất/nhà đa năng	phòng						
- Phòng hỗ trợ giáo dục khuyết tật học hòa nhập	phòng						
Phòng khác							
- Phòng truyền thống	phòng						
- Phòng Y tế học đường	phòng	1	1		1	1	

III. THÔNG TIN VỀ ĐỘI NGŨ

IV.	Cán bộ quản lý, Giáo viên, Nhân viên	Đơn vị tính	Tổng số		Công lập				
			Tổng số	Nữ	Tổng số	Phân loại		Hợp đồng lao động	Nữ
						Viên chức			
						HĐLV không xác định thời hạn	HĐLV xác định thời hạn		
	A	B	1	2	5	6	7	8	9
	Tổng số	người	76	75	76	53	12	11	75
4.1	Cán bộ quản lý	người	3	3	3	3			3
4.1.1	Hiệu trưởng	người	1	1	1	1			1
	Chia theo trình độ đào tạo								
	- Trung cấp sư phạm	người							
	- Cao đẳng sư phạm	người							
	- Đại học sư phạm	người							
	- Thạc sĩ	người	1	1	1	1			1

	- Tiến sĩ , tiến sĩ khoa học	người							
	- Khác	người							
4.1.2	Phó hiệu trưởng	người	2	2	2	2			2
	Chia ra theo vùng:								
	- Trung du, đồng bằng, thành phố	người							
	- Miền núi vùng sâu, hải đảo	người							
	Chia theo trình độ đào tạo								
	- Trung cấp sư phạm	người							
	- Cao đẳng sư phạm	người							
	- Đại học sư phạm	người	1	1	1	1			1
	- Thạc sĩ	người	1	1	1	1			1
	- Tiến sĩ , tiến sĩ khoa học	người							
	- Khác	người							
4.2	Giáo viên	người	70	69	70	48	12	10	69
	Chia theo trình độ đào tạo		70	69	70	48	12	10	69
	- Trung cấp sư phạm	người							
	- Cao đẳng sư phạm	người	2	2	2	2			2
	- Đại học sư phạm	người	49	48	49	43	5	1	48
	- Thạc sĩ	người	6	6	6	3	3		6
	- Tiến sĩ , tiến sĩ khoa học	người							
	- Khác	người	13	13	13		4	9	13
	Chia theo độ tuổi		70	69	70	48	12	10	69
	+ Từ 20 -29 tuổi	người	20	20	20	5	5	10	20
	+ Từ 30 - 39 tuổi	người	21	21	21	19	2		21
	+ Từ 40 - 49 tuổi	người	19	18	19	15	4		18
	+ Từ 50 - 54 tuổi	người	7	7	7	6	1		7
	+ Từ 55 - 59 tuổi	người	3	3	3	3			3
	+ 60 tuổi	người							
4.3	GV tổng phụ trách Đội TNTP HCM	người	1	1	1	1			1
4.4	Nhân viên	người	2	2	2	1		1	2
	Chia ra :								
	- Nhân viên thư viện, thiết bị	người							
	- Nhân viên công nghệ thông tin	người							
	- Nhân viên kế toán	người	1	1	1	1			1
	- Nhân viên thủ quỹ	người							
	- Nhân viên văn thư	người							
	- Nhân viên y tế	người							

- Nhân viên hỗ trợ GD khuyết tật	người							
- Nhân viên giáo vụ	người							
- Nhân viên kiêm nhiều việc	người	1	1	1			1	1

VI. THÔNG TIN VỀ CHỈ TIÊU GIÁO DỤC

Lớp học, học sinh:

Khối 1			Khối 2			Khối 3			Khối 4			Khối 5			Toàn trường		
Số lớp	Số HS	HS nữ	Số lớp	Số HS	HS nữ	Số lớp	Số HS	HS nữ	Số lớp	Số HS	HS nữ	Số lớp	Số HS	HS nữ	Số lớp	Số HS	HS nữ
9	418	200	9	377	177	9	347	170	8	339	161	8	393	202	43	1874	911

- Số học sinh khuyết tật 6 HS (Nữ :3 HS)

- Số lớp học sinh học 2 buổi/ngày: 35 lớp với 1479 HS đạt 79%

- Tỷ lệ học sinh/lớp : 43,5 HS

. *Chất lượng giáo dục học sinh.*

* Chất lượng giáo dục Học sinh đại trà: Đánh giá theo thông tư 27/2020/TT-BGDĐT đối với lớp 1; 2; 3; 4; 5: (*Cụ thể tại phụ lục 0.1*)

- 100% HS được đánh giá Tốt và Đạt về Phẩm chất, Năng lực.

- 100% HS được đánh giá Hoàn thành tốt, Hoàn thành đối với từng môn học và Hoạt động giáo dục.

- Khen thưởng: 60%- 65% HS xuất sắc; 20%-25% HS tiêu biểu;

- 100% học sinh lớp 1; 2; 3; 4 hoàn thành chương trình lớp học và 100% học sinh lớp 5 hoàn thành chương trình Tiểu học.

* Chất lượng HS mũi nhọn: Tham gia các cuộc giao lưu HS năng khiếu ở các cấp đều đạt giải, cụ thể: Từ 120 giải các cấp trở lên.

=> Trường phấn đấu nằm ở vị trí tốp đầu (Đứng ở vị trí thứ 1) khối các trường Tiểu học trong phường Đông Hải về công tác Bồi dưỡng HSG, HS năng khiếu.

- 100% học sinh khối 1, khối 2, khối 3, khối 4 được học 2 buổi/ngày với thời lượng 10 buổi/tuần. 100% học sinh các khối 3; 4; 5 học môn Tin học. 100% học sinh từ khối 1 đến khối 5 học môn Tiếng Anh.

- 100% học sinh biết yêu thương đoàn kết, biết giúp đỡ bạn bè, biết chăm sóc môi trường xanh, sạch đẹp và có các kỹ năng sống, kỹ năng giao tiếp tốt.

- Đảm bảo thực hiện giáo dục hòa nhập cho 11 học sinh khuyết tật của trường (06 em có hồ sơ), những học sinh còn gặp khó khăn trong học tập được hỗ trợ để đạt yêu cầu.

- Tổ chức đầy đủ các hoạt động trải nghiệm, huy động 100% học sinh tham gia đạt kết quả tốt.

Phụ lục 0.1. Về năng lực, phẩm chất của học sinh từng khối lớp.

- *Khối 1; khối 2: 795 HS*

* Các môn học và hoạt động giáo dục

Môn học	Hoàn thành tốt	Hoàn thành	Chưa hoàn thành
---------	----------------	------------	-----------------

	SL	TL %	SL	TL %	SL	TL %
Tiếng Việt	623	78,3	172	21,7	0	0
Toán	629	79,0	166	21,0	0	0
Đạo đức	637	80,1	158	19,9	0	0
TNXH	629	79,3	166	20,7	0	0
GD thể chất	637	79,9	159	20,1	0	0
HD trải nghiệm	633	79,5	162	20,5	0	0
Mỹ thuật	628	78,9	167	21,1	0	0
Âm nhạc	624	78,4	171	21,6	0	0
Tiếng Anh	627	78,7	169	21,3	0	0
Trung bình		79,1		20,9		

*** Phẩm chất chủ yếu**

Mức đạt được	Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
	SL	TL	SL	TL	SL	TL
Yêu nước	714	89,8	81	10,2	0	0
Nhân ái	713	89,6	82	10,4	0	0
Chăm chỉ	679	85,7	116	14,3	0	0
Trung thực	717	90,5	78	9,5	0	0
Trách nhiệm	686	86,2	109	13,8	0	0
Trung bình		88,4		11,6		

*** Năng lực cốt lõi**

Mức đạt được		Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
		SL	TL	SL	TL	SL	TL
Năng lực chung	Tự chủ và tự học	639	79,9	159	20,1	0	0
	Giao tiếp và hợp tác	637	80,1	158	19,9	0	0
	GQ vấn đề và sáng tạo	627	79,2	168	20,8	0	0
Năng lực đặc thù	Ngôn ngữ	632	79,8	163	20,2	0	0
	Tính toán	630	79,5	165	20,5	0	0
	Khoa học	635	79,8	160	20,2	0	0
	Thẩm mỹ	634	79,7	161	20,3	0	0
	Thể chất	637	80,4	158	19,6	0	0

Mức đạt được	Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
	SL	TL	SL	TL	SL	TL
<i>Trung bình</i>			79,8		20,2	

*** Khen thưởng**

HS Xuất sắc		HS Tiêu biểu		Khen đột xuất	
SL	TL	SL	TL	SL	TL
539	67,8	61	7,7	12	1.5

- Khối 3: 347 HS

*** Các môn học và hoạt động giáo dục**

Môn học	Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành	
	SL	TL	SL	TL	SL	TL
Tiếng Việt	246	70,9	101	29,1	246	70,9
Toán	256	73,8	91	26,2	256	73,8
Đạo đức	306	88,2	41	11,8	306	88,2
TNXH	291	83,9	56	16,1	291	83,9
Công nghệ	283	81,6	64	18,4	283	81,6
GD thể chất	308	88,8	39	11,2	308	88,8
HD trải nghiệm	283	81,6	64	18,4	283	81,6
Mỹ thuật	301	86,7	46	13,3	301	86,7
Âm nhạc	301	86,7	46	13,3	301	86,7
Tin học	283	81,6	64	18,4	283	81,6
Tiếng Anh	251	72,3	96	27,7	251	72,3
<i>Trung bình</i>		81,5		18,5		81,5

*** Phẩm chất chủ yếu**

Mức đạt được	Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
	SL	TL	SL	TL	SL	TL
Yêu nước	347	100	0	0	0	0
Nhân ái	342	98,6	5	1,4	0	0
Chăm chỉ	292	84,1	55	15,9	0	0
Trung thực	337	97,1	10	2,9	0	0
Trách nhiệm	307	88,5	40	11,5	0	0

Trung bình		93,7		6,3	0	0
-------------------	--	------	--	-----	---	---

*** Năng lực cốt lõi**

Mức đạt được		Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
		SL	TL	SL	TL	SL	TL
Năng lực chung	Tự chủ và tự học	287	82,7	60	17,3	0	0
	Giao tiếp và hợp tác	294	84,7	53	15,3	0	0
	Giải quyết vấn đề và sáng tạo	257	74,1	90	25,9	0	0
Năng lực đặc thù	Ngôn ngữ	247	71,2	100	28,8	0	0
	Tính toán	259	74,6	88	25,4	0	0
	Khoa học	289	82,8	60	17,2	0	0
	Công nghệ (L3)	284	81,8	63	18,2	0	0
	Tin học (L3)	284	81,8	63	18,2	0	0
	Thẩm mỹ	300	86,5	47	13,5	0	0
	Thể chất	309	89,0	38	11,0	0	0
Trung bình			80,9		19,1	0	0

*** Khen thưởng**

HS Xuất sắc		HS Tiêu biểu		Khen đột xuất	
SL	TL	SL	TL	SL	TL
220	63,4	60	17,3	5	1,4

- Khối 4, 5: 732

*** Các môn học và hoạt động giáo dục**

Môn học	Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành	
	SL	TL	SL	TL	SL	TL
Tiếng Việt	523	71,3	210	28,7	0	0
Toán	503	68,5	230	31,5	0	0
Đạo đức	576	78,5	157	21,5	0	0
Khoa học	548	74,7	185	25,3	0	0
LS-ĐL	548	74,7	185	25,3	0	0

Môn học	Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành	
	SL	TL	SL	TL	SL	TL
Công nghệ	558	76,1	175	23,9	0	0
GDTC	568	77,4	165	22,6	0	0
Mỹ thuật	546	74,4	187	25,6	0	0
Âm nhạc	509	69,6	224	30,4	0	0
Tiếng Anh	524	71,7	209	28,3	0	0
Tin học	547	74,8	186	25,2	0	0
Trung bình		73,8		26,2	0	0

*** Phẩm chất chủ yếu**

Mức đạt được	Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
	SL	TL	SL	TL	SL	TL
Yêu nước	696	94,9	37	5,1	0	0
Nhân ái	678	92,7	55	7,3	0	0
Chăm chỉ	605	82,5	128	17,5	0	0
Trung thực	655	89,3	78	10,7	0	0
Trách nhiệm	605	82,5	128	17,5	0	0
Trung bình		88,4		11,6	0	0

*** Năng lực cốt lõi**

Mức đạt được		Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
		SL	TL	SL	TL	SL	TL
Năng lực chung	Tự chủ và tự học	633	86,3	100	13,7	0	0
	Giao tiếp và hợp tác	613	83,6	120	16,4	0	0
	Giải quyết vấn đề và sáng tạo	563	76,7	170	23,3	0	0
Năng lực đặc thù	Ngôn ngữ	558	76,1	175	23,9	0	0
	Tính toán	569	77,6	164	22,4	0	0
	Khoa học	566	77,2	167	22,8	0	0
	Công nghệ	585	79,8	148	20,2	0	0
	Tin học	588	80,2	145	19,8	0	0

Mức đạt được	Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
	SL	TL	SL	TL	SL	TL
Thăm mĩ	552	75,2	181	24,8	0	0
Thể chất	588	80,2	145	19,8	0	0
Trung bình		79,3		20,7		0

*** Khen thưởng**

HS Xuất sắc		HS Tiêu biểu		Khen đột xuất	
SL	TL	SL	TL	SL	TL
476	65,1	208	28,5	14	1,9

Nơi nhận:

- Trang TTĐT (CM Công khai);
- Lưu: Hồ sơ công khai.

TM. BAN GIÁM HIỆU



Phạm Thị Lý